

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /UBND  
V/v Công khai kết quả Bộ chỉ số  
phục vụ người dân, doanh nghiệp  
theo Quyết định số 766/QĐ-TTg  
của Thủ tướng Chính phủ tháng  
01/2025 huyện Châu Thành

Châu Thành, ngày tháng 02 năm 2025

Kính gửi:

- Thủ trưởng các Phòng chuyên môn huyện;
- Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.

Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công trực tuyến theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

Thực hiện Công văn số 2124/UBND-KSTT ngày 07/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc triển khai Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ kết quả công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>). Tại mục “Kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp của bộ, ngành, địa phương”. Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành công khai kết quả Bộ Chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trong tháng 01 năm 2025 như sau: Tổng số điểm Châu Thành đạt: 79,23/100 điểm, xếp hạng 7/9. (Số liệu tại thời điểm 14h00' ngày 12/02/2025. Số liệu này có thể thay đổi theo thời gian).

*(Có Phụ lục một số tiêu chí thành phần kèm theo)*

**Nguyên nhân: Tỷ lệ Công khai minh bạch thấp: 64,4%**, do Dịch vụ công quốc gia sử dụng số liệu của năm 2024 đồng bộ dữ liệu tháng 01 năm 2025 nên tỷ lệ này thấp; **Tiến độ giải quyết: 98,65%**; (**trả kết quả cá nhân/tổ chức quá hạn: xã Trí Bình: 01 hs, xã Phước Vinh: 01 hs; xã Hảo Đước: 01 hs; xã Hòa Hội: 01 hs**); **Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến thấp: xã Ninh Điền 73,3%**; **Tỷ lệ Thanh toán trực tuyến thấp: xã Hảo Đước 17,24%**; **Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa thấp: xã Hảo Đước 43,59%**.

Chủ tịch UBND huyện yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn huyện và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn thực hiện như sau:

- Tập trung chỉ đạo, đề ra các giải pháp thực hiện nâng cao Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp của huyện; quan tâm thực hiện khai thác, sử dụng lại thông

tin, dữ liệu số hoá. Các xã, thị trấn chưa đạt chỉ số Công khai minh bạch, Dịch vụ công trực tuyến, xử lý hồ sơ đúng hạn, số hóa hồ sơ, thanh toán trực tuyến tập trung chỉ đạo thực hiện nâng cao các chỉ số đạt chỉ tiêu tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ.

- Các đơn vị: xã Trí Bình; xã Phước Vinh; xã Hảo Đức; xã Hòa Hội; xã Ninh Điền nghiêm túc tổ chức họp rút kinh nghiệm, xây dựng giải pháp cải thiện các chỉ số tồn tại nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Các đơn vị gửi biên bản họp rút kinh nghiệm về UBND huyện (qua Văn phòng HĐND và UBND huyện) **trước ngày 20/02/2025.**

Trên đây là công khai kết quả Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp tháng 01/2025, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung xây dựng các giải pháp nâng cao các chỉ số có tỷ lệ thấp và tiếp tục duy trì phát huy kết quả đạt được. Việc công khai kết quả chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp hàng tháng là tiêu chí trọng tâm trong đánh giá chỉ số CCHC đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Văn phòng UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nội vụ (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- LĐVP;
- Lưu: VT. (Q.Huy)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**PHỤ LỤC 1**  
**CHỈ SỐ CÔNG KHAI MINH BẠCH THÁNG 01/2025**

(Kèm theo Công văn số:...../UBND ngày.....tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Châu Thành)

STT	Tên đơn vị	Mã định danh	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia (%)	Điểm đạt được	Tổng điểm
		(1)	(2)	(3)	(4)
<b>Toàn huyện</b>			<b>64,4</b>	<b>11,6</b>	18
1	Cơ quan chuyên môn huyện	000.00.32.H53	62,24	11,6	18
2	UBND Thị trấn	000.20.32.H53	67,67	12,2	18
3	UBND xã An Bình	000.21.32.H53	51,67	9,3	18
4	UBND xã An Cơ	000.22.32.H53	88,24	15,9	18
5	UBND xã Long Vĩnh	000.28.32.H53	75,47	13,6	18
6	UBND xã Thanh Điền	000.31.32.H53	67,79	12,2	18
7	UBND xã Ninh Điền	000.32.32.H53	56,6	10,2	18
8	UBND xã Thành Long	000.33.32.H53	56,12	10,1	18
9	UBND xã Thái Bình	000.32.32.H53	57,32	10,3	18
10	UBND xã Trí Bình	000.34.32.H53	90,14	16,2	18
11	UBND xã Hòa Hội	000.26.32.H53	100	18	18
12	UBND xã Hòa Thạnh	000.27.32.H53	50	9	18
13	UBND xã Biên Giới	000.23.32.H53	62,5	11,3	18
14	UBND xã Đồng Khởi	000.24.32.H53	74,65	13,4	18
15	UBND xã Hào Đức	000.25.32.H53	62,9	11,3	18
16	UBND xã Phước Vĩnh	000.30.32.H53	64,37	11,6	18

**PHỤ LỤC 2**  
**CHỈ SỐ TIẾN ĐỘ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THÁNG 01/2025**

(Kèm theo Công văn số:...../UBND ngày.....tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Châu Thành)

STT	Tên đơn vị	Mã định danh	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn (%)	Hồ sơ xử lý quá hạn	Điểm đạt được	Tổng điểm
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>Toàn huyện</b>			<b>98,65</b>	<b>4</b>	<b>15,5</b>	<b>20</b>
1	Cơ quan chuyên môn huyện	000.00.32.H53	100	0	20	20
2	UBND Thị trấn	000.20.32.H53	100	0	20	20
3	UBND xã An Bình	000.21.32.H53	100	0	20	20
4	UBND xã An Cơ	000.22.32.H53	100	0	20	20
5	UBND xã Long Vĩnh	000.28.32.H53	100	0	20	20
6	UBND xã Thanh Điền	000.31.32.H53	100	0	20	20
7	UBND xã Ninh Điền	000.32.32.H53	100	0	20	20
8	UBND xã Thành Long	000.33.32.H53	100	0	20	20
9	UBND xã Thái Bình	000.32.32.H53	100	0	20	20
10	UBND xã Trí Bình	000.34.32.H53	98,88	<b>1</b>	19,8	20
11	UBND xã Hòa Hội	000.26.32.H53	100	<b>1</b>	20	20
12	UBND xã Hòa Thạnh	000.27.32.H53	100	0	20	20
13	UBND xã Biên Giới	000.23.32.H53	100	0	20	20
14	UBND xã Đồng Khởi	000.24.32.H53	100	0	20	20
15	UBND xã Hảo Đức	000.25.32.H53	100	<b>1</b>	20	20
16	UBND xã Phước Vinh	000.30.32.H53	96,43	<b>1</b>	19,6	20

**PHỤ LỤC 3**  
**CHỈ SỐ CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN THÁNG 01/2025**

(Kèm theo Công văn số:...../UBND ngày.....tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Châu Thành)

STT	Tên đơn vị	Mã định danh	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			Thanh toán trực tuyến			Điểm đạt được	Tổng điểm
			Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến (%)	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ (%)	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ trực tuyến (%)	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến (%)	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (%)	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến (%)		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>Toàn huyện</b>			<b>47,81</b>	<b>9,4</b>	<b>93,81</b>	<b>85</b>	<b>56,44</b>	<b>87,99</b>	<b>12,4</b>	<b>22</b>
1	Cơ quan chuyên môn huyện	000.00.32.H53	47,81	100	95,93	85	19,61	98,78	12,34	22
2	UBND Thị trấn	000.20.32.H53	5,15	9,4	100	100	39,47	100	12,7	22
3	UBND xã An Bình	000.21.32.H53	5,15	9,4	100	80	21,05	95,24	12,8	22
4	UBND xã An Cơ	000.22.32.H53	5,15	9,4	100	85,71	31,58	80,65	13,2	22
5	UBND xã Long Vĩnh	000.28.32.H53	5,15	9,4	95	100	36,84	90	11,8	22
6	UBND xã Thanh Điền	000.31.32.H53	5,15	9,4	99	100	34,21	98,04	12	22
7	UBND xã Ninh Điền	000.32.32.H53	5,15	9,4	73,3	75	31,58	90,91	10,6	22
8	UBND xã Thành Long	000.33.32.H53	5,15	9,4	100	66,67	39,47	88,24	12,8	22
9	UBND xã Thái Bình	000.32.32.H53	5,15	9,4	100	100	42,11	91,36	12,7	22

STT	Tên đơn vị	Mã định danh	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			Thanh toán trực tuyến			Điểm đạt được	Tổng điểm
			Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến (%)	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ (%)	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ trực tuyến (%)	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến (%)	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (%)	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến (%)		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
10	UBND xã Trí Bình	000.34.32.H53	5,15	9,4	100	71,43	31,58	82,46	12,3	22
11	UBND xã Hòa Hội	000.26.32.H53	5,15	9,4	100	100	36,84	100	14,4	22
12	UBND xã Hòa Thạnh	000.27.32.H53	5,15	9,4	100	83,33	34,21	75	11,4	22
13	UBND xã Biên Giới	000.23.32.H53	5,15	9,4	100	75	47,37	75	12	22
14	UBND xã Đồng Khởi	000.24.32.H53	5,15	9,4	100	100	44,74	100	13,7	22
15	UBND xã Hào Đức	000.25.32.H53	5,15	9,4	97,4	50	28,95	17,24	9,7	22
16	UBND xã Phước Vinh	000.30.32.H53	5,15	9,4	100	85,71	39,47	93,15	12,9	22

**PHỤ LỤC 4**  
**CHỈ SỐ SỐ HÓA HỒ SƠ THÁNG 01/2025**

(Kèm theo Công văn số:...../UBND ngày.....tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Châu Thành)

STT	Tên đơn vị	Mã định danh	Số hóa hồ sơ				Điểm đạt được	Tổng điểm
			Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử (%)	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ (%)	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa (%)	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính (%)		
		<b>(1)</b>						
<b>Toàn huyện</b>			<b>95,75</b>	<b>95,75</b>	<b>83,52</b>	<b>100</b>	<b>13,75</b>	<b>14</b>
1	Cơ quan chuyên môn huyện	000.00.32.H53	95,75	95,75	83,52	100	13,75	14
2	UBND Thị trấn	000.20.32.H53	100	100	100	100	14	14
3	UBND xã An Bình	000.21.32.H53	100	100	100	100	14	14
4	UBND xã An Cơ	000.22.32.H53	100	100	98,46	100	13,97	14
5	UBND xã Long Vĩnh	000.28.32.H53	94,44	94,44	82,05	100	13,09	14
6	UBND xã Thanh Điền	000.31.32.H53	99,01	99,01	87,13	100	13,64	14
7	UBND xã Ninh Điền	000.32.32.H53	71,43	71,43	96,43	100	11,07	14
8	UBND xã Thành Long	000.33.32.H53	100	100	90,91	100	13,82	14
9	UBND xã Thái Bình	000.32.32.H53	100	100	98,94	100	13,98	14
10	UBND xã Trí Bình	000.34.32.H53	100	100	100	100	14	14
11	UBND xã Hòa Hội	000.26.32.H53	100	100	66,67	100	13,34	14
12	UBND xã Hòa Thạnh	000.27.32.H53	100	100	95,83	100	13,92	14
13	UBND xã Biên Giới	000.23.32.H53	100	100	81,25	100	13,63	14
14	UBND xã Đồng Khởi	000.24.32.H53	100	100	97,96	100	13,96	14
15	UBND xã Hảo Đức	000.25.32.H53	97,22	97,22	<b>43,59</b>	100	12,59	14
16	UBND xã Phước Vĩnh	000.30.32.H53	100	100	98	100	13,96	14

**PHỤ LỤC 5**  
**CHỈ SỐ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG THÁNG 01/2025**

*(Kèm theo Công văn số:...../UBND ngày.....tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Châu Thành)*

STT	Tên đơn vị	Mã định danh	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn (%)	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị (%)	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC (%)	Điểm đạt được	Tổng điểm
		(1)	(2)			(4)	(5)
<b>Toàn huyện</b>			<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>18</b>	<b>18</b>
1	Cơ quan chuyên môn huyện	000.00.32.H53	100	100	100	18	18
2	UBND Thị trấn	000.20.32.H53	100	100	100	18	18
3	UBND xã An Bình	000.21.32.H53	100	100	100	18	18
4	UBND xã An Cơ	000.22.32.H53	100	100	100	18	18
5	UBND xã Long Vĩnh	000.28.32.H53	100	100	100	18	18
6	UBND xã Thanh Điền	000.31.32.H53	100	100	100	18	18
7	UBND xã Ninh Điền	000.32.32.H53	100	100	100	18	18
8	UBND xã Thành Long	000.33.32.H53	100	100	100	18	18
9	UBND xã Thái Bình	000.32.32.H53	100	100	100	18	18
10	UBND xã Trí Bình	000.34.32.H53	100	100	100	18	18
11	UBND xã Hòa Hội	000.26.32.H53	100	100	100	18	18
12	UBND xã Hòa Thạnh	000.27.32.H53	100	100	100	18	18
13	UBND xã Biên Giới	000.23.32.H53	100	100	100	18	18
14	UBND xã Đồng Khởi	000.24.32.H53	100	100	100	18	18
15	UBND xã Hảo Đức	000.25.32.H53	100	100	100	18	18
16	UBND xã Phước Vinh	000.30.32.H53	100	100	100	18	18